

Bản án số: **91/2021/HS-PT**

Ngày 24-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- T *phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Tuân và ông Trần Khánh Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Diệp Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*
Bà Đinh Thị Thu Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2021/TLPT-HS, ngày 22/7/2021 đối với bị cáo Phạm Thanh P, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HSST, ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo bị kháng nghị:

PHẠM THANH P, tên gọi khác: Không, sinh ngày 22/11/1981, tại Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 4, phường HS, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Ngô Thị L; có vợ là Đỗ Minh Ng và 02 con.

Tiền án: 01 tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 282/2011/HSST, ngày 23/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt P 08 năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong án phí ngày 21/3/2012, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/6/2018, (Bản án này chưa được xóa án tích).

Tiền sự: 01 tiền sự: Tại Quyết định số 111/QĐTA, ngày 26/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với P thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 01/6/2020.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2004/HSST, ngày 18/5/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt P 06 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” và 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 79/2008/HSPT, ngày 24/12/2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xử phạt P 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/01/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

Trong vụ án này, có bị cáo Vũ Văn T1 không kháng cáo, không bị kháng nghị, (vắng mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1967, trú tại: Xóm 9, xã VT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị T3, sinh năm 1979, trú tại: Xóm 8, xã VT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

2. Anh Đàm Văn H, sinh năm 1988, trú tại: Xóm KT, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 22/01/2021, P gọi điện thoại cho Vũ Văn T1, sinh năm 1977, trú tại xóm BK, xã BT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên rủ đi trộm cắp tài sản, T1 đồng ý và hẹn gặp nhau tại thị trấn HS, huyện Đại Từ. Khoảng 08 giờ cùng ngày, P mang theo 01 chiếc vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ T đi gặp T1. Sau đó, T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu đen bạc, biển kiểm soát 20F1-176.36, là xe mượn của chị Trần Thị T3, sinh năm 1979, trú tại xóm 8, xã VT, huyện Đại Từ chở P đi đến xóm 9, xã VT, huyện Đại Từ, cả hai phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu đỏ đen xám, BKS 20R1-0686, của ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1967, trú tại xóm 9, xã VT, huyện Đại Từ, dựng ở gần đường không có ai trông coi. P, T1 thống nhất lấy trộm chiếc xe mô tô trên, T1 dừng đỗ xe song song với chiếc xe mô tô của ông L để cảnh giới, còn P xuống xe cầm vạm phá khóa phá ổ khóa điện xe của ông L. Phá được ổ khóa, P nổ máy xe mô tô của ông L đi phía sau, còn T1 đi trước dẫn đường xuống thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiêu thụ. Trên đường đi, P tháo biển kiểm soát xe vứt đi và tháo hai chiếc gương chiếu hậu xe của ông L, T1 và P mỗi người giữ một chiếc gương. T1, P tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến nhà anh Đàm Văn H, sinh năm 1988, trú tại xóm KT, xã TT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên để bán chiếc xe trộm cắp cho anh H, với giá 1.200.000 đồng, khi mua xe anh H không biết xe trộm cắp mà có. Sau đó, T1 chở P về thị trấn HS, huyện Đại Từ, P đưa cho T1 350.000 đồng để chuộc lại đăng ký xe mô tô và chia cho T1 150.000

đồng. Trên đường về nhà T1 vớt 01 chiếc gương chiếu hậu xe của ông L, số tiền còn lại P chi tiêu cá nhân hết. Còn 01 chiếc gương chiếu hậu xe của ông L và chiếc vạm phá khóa để ở phòng trọ của P.

Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HSST, ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử các bị cáo Phạm Thanh P, Vũ Văn T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thanh P 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 27/01/2021.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn T 1 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 27/01/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/7/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã có Quyết định kháng nghị số 154/QĐ-VKSTN(P7), ngày 14/7/2021 kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HSST, ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo Phạm Thanh P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, theo hướng không áp dụng tình tiết “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm, xác định bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác. Theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Bộ luật Hình sự quy định về cách tính thời hạn để xóa án tích và khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự quy định đương nhiên xóa án tích, thì Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2004/HSST, ngày 18/5/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Trộm cắp tài sản” và Bản án hình sự phúc thẩm số 79/2008/HSST, ngày 24/12/2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn xóa án tích của 02 bản án này là ngày 14/6/2020. Do vậy, lần phạm tội này vào ngày 22/01/2021 của bị cáo chỉ còn Bản án hình sự sơ thẩm số 282/2011/HSST, ngày 23/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”, là chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm”.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 03 tiền án và lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” là không đúng với quy định của pháp luật, gây

bất lợi cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, sửa Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng không áp dụng tình tiết “tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận với kết luận của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên được ban hành trong thời hạn và đúng thủ tục quy định, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo Vũ Văn T1, của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 22/01/2021, các bị cáo Phạm Thanh P và Vũ Văn T1 đã có hành vi lén lút, bí mật trộm cắp dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện xe mô tô nhãn hiệu Hon da, biển kiểm soát 20R1-0686 của ông Nguyễn Bá L, trú tại xóm 9, xã VT, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên đem bán được số tiền 1.200.000 đồng. Qua định giá tài sản chiếc xe mô tô trên có giá trị 10.000.000 đồng.

Với hành vi trên, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” là không có căn cứ, chưa đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo hướng không áp dụng tình tiết “tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2004/HSST, ngày 18/5/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” và tội “Trộm cắp tài sản”; tại Bản án hình sự phúc thẩm số 79/2008/HSST, ngày 24/12/2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tại Bản án hình sự sơ thẩm số 282/2011/HSST, ngày 23/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”. Đến ngày 22/01/2021, bị cáo lại tiếp tục có hành vi thực hiện tội phạm mới.

Căn cứ khoản 2 Điều 73 Bộ luật Hình sự, quy định cách tính thời hạn để xóa án tích như sau:

...2. Người bị kết án chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn xóa án tích cũ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách án treo của bản án mới hoặc kể từ ngày bản án mới hết thời hiệu thi hành.

Theo quy định nêu trên, đến ngày 14/6/2018 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính của bản án số 282/2011/HSST, ngày 23/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự quy định đương nhiên được xóa án tích như sau:

...2. Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách của án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

...b) 02 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm.

Như vậy, thời hạn xóa án tích của Bản án hình sự số 60/2004/HSST, ngày 18/5/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và Bản án hình sự số 79/2008/HSST, ngày 24/12/2008 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng là ngày 14/6/2020.

Đến ngày 22/01/2021, bị cáo lại tiếp tục có hành vi thực hiện tội phạm mới. Do vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” do Bản án hình sự sơ thẩm số 282/2011/HSST, ngày 23/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phải chịu tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác, gây bất lợi cho bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, sửa Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng không áp dụng tình tiết “tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái

Nguyên, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HSST, ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, theo hướng áp dụng lại điều luật và giảm mức hình phạt tù cho bị cáo như sau:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thanh P **30** (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/01/2021.

Căn cứ Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2021/HSST, ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án 24/8/2021./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đại Từ;
- Công an huyện Đại Từ;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Hồng Giang

